

LUẬN A TỖ ĐÀM TỖ BÀ SA

QUYỂN 54

Chương 3: **KIẾN-ĐỘ TRÍ**

Phẩm 2: **THA TÂM TRÍ**, Phần 6

Kinh Phật nói: Phật bảo Tỳ-kheo: Nếu có chúng sinh nào tin ưa pháp do các thầy nói, thì các thầy nên vì tâm thương xót, mà nói bốn pháp tịnh không hư hoại, cho họ nghe khiến họ an trụ để tu hành pháp này! Nói rộng như Kế kinh.

Hỏi: Vì sao Đức Thế tôn nói kinh này?

Đáp: Đức Thế tôn muốn vì người nói pháp, chỉ bày rõ về duyên theo pháp nên nghe. Người nói pháp thường không biết nên giảng nói cho ai nghe? Không nên nói cho ai nghe, nên in tâm yếu đuối! Đức Phật nói rằng: Các thầy không nên xem nhẹ điều được nói. Nếu chúng sinh nào đáng tin, ưa pháp do các thầy nói, thì hãy nói cho họ nghe nói.

Lại nữa, muốn nói pháp đền đáp công ơn, nên Phật nói kinh này. Kinh nói: Phật bảo Tỳ-kheo! Nếu có người nào, trong trăm năm, một vai công cha, một vai công mẹ, từ nơi này đi đến nơi khác, vẫn không gọi là đó là báo đáp ơn của cha mẹ! Phật bảo Tỳ-kheo: Nếu cha mẹ không tin giáo pháp, thì nên khuyên cha mẹ lập niềm tin. Không giới, thì vì cha mẹ nói giới thiện. Cha mẹ có tánh bồng sển thì khuyên nên bố thí. Cha mẹ không có tuệ, hãy khuyên nên tu tuệ. Thực hành được như vậy mới gọi là báo ơn cha mẹ.

Hỏi: Tất cả pháp thiện trong pháp chư Phật, đều nên giáo hóa người. Vì sao chỉ nói phải giáo hóa bốn tịnh không hư hoại?

Tôn giả Ba-xa nói: Ở đây Thánh đạo do Đức Thế tôn đã nói được gọi là pháp tịnh không hư hoại. Tất cả Thánh đạo hoặc là pháp tương ứng, hoặc là pháp cộng hữu. Nếu nói về tín, tức là nói Thánh đạo của pháp tương ứng. Nếu nói về giới, tức là nói Thánh đạo của pháp cộng

hữu.

Lại nữa, đây là nói tóm tắt về môn đầu tiên cho hạng đang bắt đầu nhập pháp. Tất cả pháp thiện trong hết thủy pháp Phật. Hoặc sắc, hoặc là chẳng phải sắc. Nếu nói Giới, nên biết là Phật đã nói pháp thiện của tánh sắc. Nếu nói Tín, nên biết Phật đã nói pháp thiện tánh chẳng phải sắc. Như pháp sắc, pháp phi sắc, các pháp tương ứng - bất tương ứng, có nương dựa - không nương dựa, có hành - không có hành, có thể dụng - không có thể dụng, có duyên - không có duyên, nên biết cũng giống như thế.

Lại nữa, tất cả pháp thiện, hoặc là tánh căn, hoặc chẳng phải tánh căn. Nếu nói tín, nên biết đã nói pháp thiện của tánh căn. Nếu nói giới, nên biết là đã nói pháp thiện của tánh chẳng phải căn.

Lại nữa, vì dựa vào bốn tịnh không hư hoại, nên Phật ra bốn quả Sa-môn.

Lại nữa, bốn tịnh không hư hoại này có hai thứ tướng:

1. Tướng không hư hoại.
2. Tướng tịnh.

Tướng không hư hoại, là tín vô lậu, không bị phi tín làm hư hoại. Giới vô lậu không bị phi giới làm hoại. Tín là tướng tịnh ở trong pháp tâm sở, giới là tướng tịnh trong pháp bốn đại.

Lại nữa, vì chỉ rõ phương tiện để ngăn sự sợ hãi về nghèo cùng và đường ác. Giới có thể ngăn sự sợ hãi về đường ác. Tín có thể ngăn sự sợ hãi về nghèo cùng. Tín, giới vô lậu dù không có chướng ngại, nhưng chẳng phải vô nhân nơi tín, giới hữu lậu.

Lại nữa, vì muốn dẫn dắt người đã dựa vào ngoại đạo, được thọ sự giáo hóa của Phật khiến họ nhập pháp Phật. Các Tỳ-kheo, hoặc có thân thuộc dựa vào ngoại đạo để được giáo hóa, thì nên vì sự thân yêu, khen ngợi pháp Phật, chê trách pháp ngoại đạo, làm cho những người thân kia nổi giận dữ, chuyển đổi, xa lánh pháp ngoại đạo.

Đức Phật nói rằng: Các thầy không có năng lực, không có vô úy nên không biết tâm hành của các căn chúng sinh. Các thầy đối với người kia, nếu có tâm thương xót, thì nên vì họ nói bốn tịnh không hư hoại. Nếu có được bốn tịnh không hư hoại thì tâm không dờn động. Vì sao? Vì Tỳ-kheo nên biết, Bốn Đại có thể khiến cho đổi khác. Nếu người nào được bốn tịnh không hư hoại thì người ấy sẽ không có sự đổi khác.

Hỏi: Tánh của tất cả các pháp đều không đổi khác, vì sao lại chỉ nói bốn đại là không đổi khác?

Đáp: Vì dùng bốn pháp để nói về bốn pháp.

Lại nữa, hành giả trước quán tướng của bốn đại không đối khác, sau đó mới thấy tướng không đối khác của tất cả pháp.

Lại nữa, ngoại đạo chấp bốn đại là thường. Phật nói bốn đại chẳng phải pháp thường. Nếu có bốn đại như ngoại đạo đã nói là thường thì pháp thường này có thể khiến cho đối khác. Nếu đệ tử ta đã thành tựu bốn tịnh không hư hoại mà có đối khác thì không có việc đó!

Lại nữa, bốn đại có thể xoay vần gìn giữ sự tăng trưởng của pháp sinh tử.

Kinh Phật nói: Tín là vòi (tay) của voi lớn.

Hỏi: Vì sao Phật nói Tín là vòi của voi lớn?

Đáp: Vì có công năng nắm giữ cái mình có. Như voi có vòi (tay) thì có thể nắm giữ các vật của số chúng sinh và phi số chúng sinh. Đệ tử bậc Thánh cũng giống như vậy, có bàn tay Tín nên có thể nắm giữ pháp thiện.

Kinh Phật nói: Nếu đệ tử Thánh đã thành tựu tịnh không hư hoại đối với Phật, thường khi trụ ở pháp này, thì thời gian trước đó đã thành tựu tịnh không hư hoại đối với Phật. Chư Thiên, tâm rất vui mừng, nói rằng: Chúng ta sở dĩ được thành tựu, là do thường trụ nơi tịnh không hư hoại đối với Phật, nên mới sinh đến đây. Các đệ tử Thánh cũng thành tựu tịnh không hư hoại đối với Phật, khi chết, cũng sẽ sinh đến đây đồng xứ, với chúng ta. Thành tựu tịnh không hư hoại đối với Pháp, tịnh không hư hoại đối với tăng, tịnh không hư hoại đối với Giới cũng giống như thế.

Hỏi: Các chư thiên kia trước đã ở nơi đây, đều thành tựu bốn tịnh không hư hoại, vì sao chư thiên lại có người hoặc khen ngợi tịnh không hư hoại đối với Phật, hoặc có người cho đến khen ngợi tịnh không hư hoại về Giới?

Đáp: Chúng sinh có khi, vì tịnh không hư hoại đối với Phật, siêng tu phương tiện dẫn nhập pháp Phật, cũng có người cho đến vì tịnh không hư hoại về Giới, siêng tu phương tiện nhập pháp Phật. Nếu vì tịnh không hư hoại đối với Phật, nên chư thiên đã siêng tu phương tiện nhập pháp Phật, tức sẽ khen ngợi tịnh không hư hoại đối với Phật. Cho đến vì tịnh không hư hoại đối với Giới, chư thiên đã hết lòng tu phương tiện nhập pháp Phật, tức sẽ khen ngợi tịnh không hư hoại đối với Giới.

Lại nữa, chư thiên có người ưa quán đối với Phật, hoặc có người ưa quán đối với Giới. Nếu là người ưa quán đối với Phật, thì họ sẽ khen ngợi tịnh không hư hoại đối với Phật, cho đến nếu là người ưa quán đối với Giới, họ sẽ khen ngợi tịnh không hư hoại đối với Giới.

Kinh Phật nói: Vua A-xà-thế thành tựu tín vô căn.

Hỏi: Tất cả pháp hữu vi đều có căn. Vì sao Phật nói niềm tin của vua A-xà-thế là vô căn?

Đáp: Vì niềm tin này không có căn của kiến đạo. Như nói: Tín tương ứng với trí không hư hoại, lấy kiến đạo làm căn. Vì niềm tin của vua A-xà-thế không có căn của kiến đạo, nên nói là vô căn nhưng vẫn có tín tương tự với kiến đạo làm căn.

Lại nữa, vì không có căn thiện của trí vô lậu, nên nói vô căn. Tín vô lậu dùng trí vô lậu, căn thiện vô lậu làm căn. Vua kia không được trí vô lậu, cũng không được căn thiện vô lậu mà chỉ được Tín tương tự với vô lậu.

Lại nữa, vua A-xà-thế mới cúng dường Phật không bao lâu, cũng không gần các Tỳ-kheo có đức mà đã được niềm tin như thế. Nếu nhà vua đang ở trên lầu gác ngắm xem voi ngựa, thấy Đức Phật, Thế tôn, liệ tiến về phía trước, hướng tới Phật, gieo mình xuống đất, thân không đau khổ, đó là Tín lực vô căn, cũng là do oai thần Phật. Cho nên gọi là niềm tin vô căn.

Lại nữa, niềm tin này không có nhân tương tự, không có pháp nào làm nhân tương tự cho niềm tin kia. Như cây khô không có rễ! Niềm tin của vua kia cũng vậy, nên gọi là vô căn.

Lại nữa, dù nhà vua có niềm tin này, nhưng không tránh khỏi bị đọa vào đường ác, nên gọi là niềm tin vô căn.

Trong bốn điên đảo này, Tu-đà-hoàn đã dứt bao nhiêu? Bao nhiêu không dứt?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Như phái Tỳ-bà Xà-bà-đề nói: Có mười hai thứ điên đảo, đó là điên đảo về vô thường tưởng là thường nên tâm điên đảo, kiến điên đảo. Điên đảo về khổ mà tưởng là vui, nên tâm điên đảo, kiến điên đảo. Điên đảo về vô ngã tưởng là ngã, nên tâm điên đảo, kiến điên đảo. Điên đảo về bất tịnh tưởng là tịnh nên tâm điên đảo, kiến điên đảo. Tám điên đảo là chỗ dứt của kiến đạo. Bốn điên đảo là do tu đạo dứt.

Tám điên đảo do kiến đạo dứt, nghĩa là: Điên đảo của kiến điên đảo về vô thường tưởng là thường. Điên đảo của kiến điên đảo về Khổ tưởng vui. Điên đảo của kiến điên đảo về vô ngã tưởng ngã. Điên đảo của kiến điên đảo về bất tịnh tưởng là tịnh.

Bốn điên đảo là do tu đạo dứt: Tâm điên đảo về vô thường, chấp là thường. Tâm điên đảo về Khổ chấp là vui. Tâm điên đảo về Vô ngã chấp là ngã. Tâm điên đảo về bất tịnh, chấp là tịnh.

Các kiến đạo dứt, nghĩa là: Khi khổ tử nhãn hiện ở trước, dứt rất ráo. Các tu đạo dứt, nghĩa là: Lúc định Kim cương dụ hiện ở trước, dứt rất ráo.

Hỏi: Vì sao phái kia lại nói như vậy?

Đáp: Vì phái kia dựa vào Kinh Phật. Kinh Phật nói: Phật bảo Tỳ-kheo: Bốn tướng điên đảo này, là điên đảo của kiến điên đảo, tâm điên đảo, cho đến nói rộng. Vì dựa vào kinh này, nên nói mười hai điên đảo.

Dùng hai việc để ngăn dứt ý của người nói như thế, tức tạo ra câu hỏi đáp. Hoặc tạo ra câu hỏi này: Bốn điên đảo ấy, bậc Tu-đà-hoàn có bao nhiêu dứt, bao nhiêu không dứt? Tức là ngăn dứt ý nêu có mười hai thứ điên đảo của thuyết kia. Hoặc đáp rằng: Tu-đà-hoàn dứt hết, tức ngăn dứt ý của thuyết kia nói do tu đạo dứt. Vì sao? Vì trong tu đạo không có pháp như thế. Đây là do Tu-đà-hoàn dứt.

Nếu điên đảo có mười hai thứ, cũng là tu đạo dứt, thì trái với kinh Phật. Như nói: Phật bảo Tỳ-kheo: Nếu có bốn điên đảo, đối tượng bị điên đảo, nên biết đều là phạm phu ngu tiểu. Vì sao? Vì hàng phạm phu quán pháp sinh tử, không thấy đầu mối, như xem ruột của loài chó.

Nếu kinh Phật nói bốn, nên biết tức không có mười hai. Nếu nói đều là phạm phu ngu tiểu, nên biết chẳng phải do tu đạo dứt.

Hỏi: Nếu điên đảo chỉ có bốn thứ, thì kinh do phái Tỳ-bà Xà-bà-đề dẫn, làm sao hiểu được?

Đáp: Vì tâm tướng gần với điên đảo, nên cũng gọi là điên đảo.

Hỏi: Các số pháp như thọ, v.v... cũng gần với pháp điên đảo, vì sao không gọi là điên đảo?

Đáp: Vì hai pháp này là pháp lời nói của thế tục. Thế tục đều nói: Tâm điên đảo, tướng điên đảo của người này mà không nói thọ điên đảo, tư điên đảo.

Hỏi: Thế tánh của điên đảo là gì?

Đáp: Thế tánh của điên đảo là tuệ.

Hỏi: Nếu thế tánh của điên đảo là tuệ, thì trong năm kiến ấy có bao nhiêu kiến là điên đảo, bao nhiêu kiến chẳng phải điên đảo?

Đáp: Hai kiến rười là điên đảo, hai kiến rười chẳng phải điên đảo. Hai kiến rười là điên đảo, đó là thường kiến trong tà kiến, kiến thủ, và thân kiến. Hai kiến rười chẳng phải điên đảo, đó là dứt kiến trong biên kiến, giới thủ và biên kiến.

Hỏi: Vì sao hai kiến rười là điên đảo, hai kiến rười chẳng phải điên đảo?

Đáp: Vì ba sự nên là điên đảo:

1. Do mạnh mẽ, nhạy bén.
2. Do vọng chấp.
3. Do tánh hoàn toàn điên đảo.

Đoạn kiến thuộc về biên kiến, tà kiến dù là mạnh mẽ và tánh hoàn toàn là điên đảo, nhưng chẳng phải vọng chấp. Vì sao? Vì hoàn toàn hủy hoại vật thể. Giới thủ dù là mạnh mẽ, cũng là sự vọng chấp, nhưng chẳng phải tánh hoàn toàn điên đảo. Vì sao? Vì có một chút giống nhau. Có đạo cõi Sắc, có khả năng lia cõi Dục. Có đạo cõi Vô sắc có khả năng lia cõi Sắc. Đó là thể tánh của điên đảo, cho đến nói rộng.

Đã nói về thể tánh. Về lý do nay sẽ nói:

Vì sao gọi là điên đảo? Điên đảo là nghĩa gì?

Đáp: Vì đối tượng chấp là điên đảo, nên gọi là điên đảo.

Điên đảo này, hoàn toàn do thấy khổ mà dứt.

Hỏi: Vì sao điên đảo chỉ hoàn toàn do thấy khổ mà dứt?

Đáp: Vì nhân nơi khổ sinh, nên lại là thấy khổ mà dứt.

Lại nữa, điên đảo này dựa vào quả sinh, nên lại do kiến quả dứt.

Lại nữa, thân kiến là tánh của thấy khổ mà dứt. Điên đảo này do thân kiến, nên do thấy khổ mà dứt, tức điên đảo cũng do thấy khổ mà dứt.

Lại nữa, khổ đế là pháp thô hiện. Nếu ngộ nhận đối với pháp thô hiện ấy thì sẽ bị Thánh Hiền quở trách. Như người nhầm lẫn giữa ban ngày, bị người ta quở trách. Sự ngộ nhận kia cũng giống như thế. Ba đế còn lại rất vi tế, nếu có sự ngộ nhận đối với pháp vi tế đó, Hiền Thánh không hẳn đã quở trách. Như con người nếu có sự nhầm lẫn vào ban đêm thì không hẳn bị người quở trách!

Lại nữa, hành giả đã kiến khổ rồi mà lại còn có tâm điên đảo, thì không có việc ấy. Vì để phân biệt, nên mới nói như thế.

Nếu hành giả đã kiến khổ đế rồi cũng không kiến ba đế còn lại, người khác hỏi:

Hỏi: Ấm này là thường hay đoạn?

Đáp: Là dứt.

Hỏi: Không có một sát-na dừng trụ, là khổ hay vui?

Đáp: Là khổ, như hòn sắt nóng.

Hỏi: Là tịnh hay bất tịnh?

Đáp: Là bất tịnh, khác nào như đồng phân nhơ nhớp!

Hỏi: Có ngã hay vô ngã?

Đáp: Vô ngã, không có sự tạo tác, không có tác giả.

Hỏi: Những người Kiên tín, Kiên pháp cũng dứt trừ điên đảo, vì sao chỉ nói Tu-đà-hoàn?

Đáp: Lẽ ra nói mà không nói, phải biết thuyết này chưa trọn vẹn.

Lại nữa, người Kiên tín, Kiên pháp, là tướng phân biệt, đối với sự điên đảo này, hoặc có người dứt, hoặc có người không dứt. Ở đây, hoàn toàn nói về tướng không phân biệt.

Lại nữa, vì muốn làm cho người nghi ngờ được quyết định, bậc Tu-đà-hoàn thực hành pháp mà phạm phu đã làm: Cùng ngủ nghỉ một chỗ với vợ con, tay sờ mó thân người trơn láng, mặc các thứ y phục như kiêu-xa-da, dùng hương chiên đàn thoa thân, cũng đeo đủ các thứ vòng hoa, chuỗi ngọc, cũng sai khiến tôi tớ, tôi tớ theo hầu hạ, cũng có khi dùng tay đánh, bắt chúng sinh. Vì người đời thấy các chuyện này, nên nói Tu-đà-hoàn không dứt trừ điên đảo.

Vì muốn cho mối nghi ấy của chúng sinh được quyết định, nên mới nói như thế. Người Kiên tín, Kiên pháp, tâm thiện hữu lậu, tâm vô ký không ẩn một còn không hiện ở trước, hướng chi là tâm nhiễm ô!

Hỏi: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm lúc khởi nhiễm ái là tướng vui, tướng tịnh, hay là tướng khổ, tướng bất tịnh? Nếu khởi tướng vui, tướng tịnh thì sao không phải điên đảo? Nếu là tướng khổ, tướng bất tịnh thì làm sao khởi ái nhiễm?

Đáp: Nên nói rằng: Khởi tướng vui, tướng tịnh.

Hỏi: Nếu vậy làm sao không là điên đảo?

Đáp: Vì trước kia nói: Do ba việc nên là điên đảo:

1. Do mạnh mẽ, nhạy bén.
2. Do vọng chấp.
3. Do tánh hoàn toàn điên đảo.

Tu-đà-hoàn nhiễm ái, tuy mạnh mẽ và vọng chấp, nhưng chẳng phải tánh hoàn toàn điên đảo.

Lại nữa, hoặc có Tu-đà-hoàn đối với đế, chấp lạc, chấp tịnh. Hoặc có Tu-đà-hoàn đối với cảnh giới chấp lạc, chấp tịnh. Chấp lạc, chấp tịnh đối với đế, nghĩa là Tu-đà-hoàn đã dứt hẳn. Đối với cảnh giới chấp lạc, chấp tịnh, nghĩa là Tu-đà-hoàn chưa dứt:

Lại có thuyết cho Tu-đà-hoàn lúc khởi ái nhiễm thì chấp khổ, chấp bất tịnh.

Hỏi: Nếu vậy thì làm sao khởi ái nhiễm?

Đáp: Từ vô thủy đến nay đã hành tập pháp này, thân tâm phát sinh nhiệt nã. Vì để chế phục tâm ấy, nên khởi nhiễm ái này. Cũng như ngón tay của Bà-la-môn Tự Hỷ chạm phải phân dơ, ông ta đến chỗ thợ

rèn xin lửa để rửa sạch. Người thợ rèn nói: hãy dùng tro đất để rửa sạch ngón tay.

Bà-la-môn nói: Các vật như thế không thể làm sạch ngón tay tôi, phải dùng lửa mới rửa sạch được. Bấy giờ, người thợ rèn đốt chiếc kềm cho thật đỏ, rồi dùng kềm kẹp vào ngón tay người Bà-la-môn. Lúc đó, cánh tay người Bà-la-môn run bắn lên, vì bị sức nóng ép ngặt bèn đưa ngón tay vào miệng. Sức nhớ ra, ông ta mới nhớ lại ngón tay mình bất tịnh! Chỉ vì bị ép ngặt do đau khổ, nên mới đút ngón tay vào miệng. Sự khởi ái nhiễm kia cũng giống như thế.

Lại nữa, từ vô thủy đến nay đã tập theo phiền não lâu xa và bị nó ép ngặt. Nhằm đối trị pháp này mà khởi ái nhiễm. Như thân thể của người trắng trẻo, mịn màng, mà lại mọc ung nhọt, chịu nhiều đau khổ, mong cầu được chữa trị. Y sư nói: Ông hãy dùng phân chó ướm thoa vào chỗ nhọt. Người nọ, xét biết phân chó là bất tịnh, nhưng vì mục đích chữa bệnh nên dùng phân chó để thoa. Việc khởi ái nhiễm của Tu-đà-hoàn kia cũng giống như thế.

Trong ba tam-muội này, tu-đà-hoàn đã thành tựu bao nhiêu thứ tam-muội trong quá khứ, thành tựu bao nhiêu thứ tam-muội trong vị lai, thành tựu bao nhiêu thứ tam-muội trong hiện tại?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Là để ngăn dứt lời nói của kẻ ngu ở đời cho là không có hành quá khứ, vị lai, nói rộng như trên.

Hỏi: Trong ba tam-muội này, Tu-đà-hoàn có bao nhiêu tam-muội đã thành tựu trong quá khứ? Bao nhiêu tam-muội sẽ thành tựu trong vị lai, và bao nhiêu tam-muội đang thành tựu trong hiện tại?

Đáp: Vị lai đều thành tựu, quá khứ diệt rồi không xả thì thành tựu. Nếu hiện tại hiện ở trước thì thành tựu. Sát-na đầu tiên của đạo tử trí không có quá khứ. Vì sao? Vì chưa có một sát-na nào sinh rồi diệt. Sinh rồi diệt nghĩa là vì đã được quả nên xả, vị lai thành tựu ba,

hiện tại một, đó là tam-muội Vô nguyện. Quá khứ kia đã diệt rồi không xả, nếu khởi tam-muội Không hiện ở trước thì quá khứ đã thành tựu một, đó là tam-muội Vô nguyện. Vị lai ba, hiện tại một, đó là Tam-muội Không. Quá khứ kia diệt rồi không bỏ, nếu khởi tam-muội

Vô tướng hiện ở trước thì quá khứ hai đó là tam-muội Không, Vô nguyện. Vị lai ba, hiện tại một, đó là vô tướng. Nếu diệt rồi không xả, đối với ba tam-muội này, nếu khởi một hiện ở trước, thì quá khứ vị lai ba, hiện tại một, khởi hiện ở trước. Ba tam-muội nói rộng, như trong đại chương Kiến-độ Sử đã nói. Tín giải thoát chuyển căn tạo ra Kiến đạo, nói rộng như trong

phẩm Người.

Nếu quá khứ của đạo thì đạo kia đã tu, đã được khinh an chẳng?
Cho đến nói rộng.

Tu có bốn thứ.

1. Tu đắc.
2. Tu hành.
3. Tu đối trị.
4. Tu trừ khử.

Pháp thiện hữu vi là tu đắc và tu hành. Pháp hữu lậu là tu đối trị, tu trừ khử.

Pháp sư nước ngoài nói: Tu có sáu thứ, bốn như trước đã nói, lại có thêm hai thứ tu là: Tu giới và tu phân biệt. Tu giới là tu căn. Như nói: Nếu sáu căn này khéo điều phục, khéo che giấu, khéo gìn giữ thì sẽ khéo tu tập, nghĩa là có thể sinh khởi niềm vui.

Tu phân biệt: Phân biệt ở thân, như nói: thân này, là tóc, lông, móng, răng, v.v... cho đến nói rộng.

Sa-môn nước Kế-tân nói rằng: Hai tu ấy, nên biết là ở trong hai tu trước, đó là tu đối trị, tu trừ khử, cho nên tu vẫn có bốn thứ.

Trong đây, dựa vào hai thứ tu để soạn luận, đó là tu đắc và tu hành. Như nói: Nếu tu pháp trí thì có tu tỷ trí phải chăng? Ở đây vừa dựa vào hai tu để soạn luận. Như nói: Tu thân, tu tâm, tu giới, tu tuệ. Ở đây vừa dựa vào hai thứ tu để soạn luận, đó là tu đối trị, tu trừ khử. Như nói: Thế nào là tu nhãn căn?

Vừa dựa vào hai tu này mà soạn luận.

Như nói: Nếu tu Sơ thiền thế tục thì có tu vô lậu chăng? Ở đây vừa dựa vào hai tu mà soạn luận, đó là tu đắc và tu hành. Như nói: Nếu tu tam-muội Không thì có tu vô nguyện chăng? Vừa dựa vào hai tu này mà soạn luận. Như nói: Nếu tu thân niệm xứ thì cũng tu thọ niệm xứ? Vừa dựa vào hai thứ tu này mà soạn luận. Như nói: Nếu tu tưởng vô thường thì có quán tưởng vô thường chăng?

Trong đây, có người nói là tu đắc, hoặc có người nói là tu hành. Như nói: Thế nào là pháp có thể tu? Tất cả pháp hữu vi thiện. Ở đây, dù có nghĩa của bốn thứ tu, nhưng vừa dựa vào tu đắc và tu hành mà soạn luận. Cho nên được tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp là Tu đắc và tu hành, chẳng phải tu đối trị, tu trừ khử.
2. Có pháp là tu đối trị, tu trừ khử, chẳng phải tu đắc và tu hành.
3. Có pháp là tu đắc và tu hành, cũng là tu đối trị, tu trừ khử.
4. Có pháp chẳng phải tu đắc và tu hành, cũng chẳng phải tu đối

trị, tu trừ khử.

Tu đắc và tu hành, chẳng phải tu đối trị, tu trừ khử: Là pháp hữu vi vô lậu.

Tu đối trị, tu trừ khử, chẳng phải tu đắc và tu hành: Là pháp nhiệm ô, là pháp hữu vi vô ký không ẩn một.

Tu đắc và tu hành, cũng là tu đối trị, tu trừ khử: Là pháp hữu lậu thiện.

Chẳng phải tu đắc và tu hành, cũng chẳng phải tu đối trị, tu trừ khử: Là pháp vô vi.

Hỏi: Tu là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa huân xông là nghĩa tu. Nghĩa học tập là nghĩa tu. Nghĩa sáng sạch là nghĩa tu. Hiện tiền tu, dùng hành gọi tên. Vị lai tu, dùng đắc gọi tên. Hiện tại, do hiện ở trước nên gọi là tu. Vị lai, do sẽ sinh, nên gọi là tu.

Lại nữa, hiện tại vì có chỗ tạo tác, nên gọi là tu. Vị lai, vì cho sự mong muốn, nên gọi là tu.

Lại nữa, hiện tại vì ở trong thân, nên gọi là tu. Vị lai vì đắc, nên gọi là tu.

Nếu đạo quá khứ thì đạo đó đã tu, đã được khinh an?

Đáp: Nếu đạo quá khứ, là đạo đã tu, đã được khinh an, đó là hai thứ tu: Tu đắc và tu hành. Đã khinh an tức đã là quá khứ.

Nếu đạo đã tu, đã khinh an, thì đạo kia không phải quá khứ phải chăng?

Đáp: Có đạo vị lai, đã tu, đã khinh an, khởi quán bất tịnh hiện ở trước. Vị lai có tu Vô lượng sát-na. Từ sát-na thứ hai về sau, đều gọi là đạo đã tu, đã khinh an, đó là tu đắc. Do ở vị lai nên không gọi là quá khứ, cho đến khởi Sơ tận trí hiện ở trước. Vị lai có Vô lượng tận trí tu sát-na. Từ tu sát-na thứ hai về sau, đều gọi là đạo đã tu, đã khinh an, đó là tu đắc.

Nếu đạo vị lai, thì đạo ấy chẳng phải đã tu, đã khinh an chăng?

Đáp: Hoặc đạo ở vị lai, đạo đó chẳng phải không đã tu, chẳng phải không đã khinh an, cho đến nói rộng làm bốn trường hợp:

Thế nào là đạo ở vị lai, đạo ấy chẳng phải không đã tu, chẳng phải không đã khinh an?

Đáp: Các đạo vị lai đều đã tu, đã khinh an, như đã nói ở trên.

Thế nào là đạo chẳng phải đã tu, chẳng phải đã khinh an, đạo đó chẳng phải vị lai?

Đáp: Khởi đạo không hề được hiện ở trước, khởi quán bất tịnh, cho

đến tận trí hiện ở trước. Đạo ấy chẳng phải đã tu, chẳng phải đã khinh an. Đạo ấy chẳng phải vị lai, chẳng phải đã tu: Vì là tu hành. Chẳng phải vị lai: Vì là hiện tại.

Thế nào là đạo ở vị lai, đạo đó chẳng phải đã tu, chẳng phải đã khinh an?

Đáp: Các đạo vị lai, chẳng phải đã tu, chẳng phải đã khinh an, nghĩa là khởi quán bất tịnh, cho đến tận trí hiện ở trước, tu Vô lượng sát-na ở vị lai. Các tu vị lai đi chung với sát-na đầu tiên, nghĩa là đạo kia chẳng phải đã tu, đã khinh an. Vì sao? Vì là nay tu nay khinh an. Đó là tu đắc mà đạo kia ở vị lai.

Thế nào là đạo không ở vị lai, đạo đó chẳng phải không đã tu, chẳng phải không đã khinh an?

Đáp: Đạo quá khứ cũng khởi đạo từng được hiện ở trước. Đạo từng được nghĩa là từng được quán bất tịnh, cho đến tận trí khởi hiện ở trước.

Hỏi: Đạo ấy là nay tu, nay khinh an là tu hành vì sao nói chẳng phải không đã tu, chẳng phải đã khinh an?

Đáp: Văn này nên nói rằng: Là đạo quá khứ.

Không nên nói khởi đạo từng được hiện ở trước. Nếu nói như thế thì có ý gì?

Đáp: Đạo này dù là tu hành, nay tu, nay khinh an nhưng cũng là tu đắc, đã tu, đã khinh an.

Nếu đạo hiện tại thì đạo ấy là nay tu, nay khinh an chẳng?

Đáp: Nếu đạo hiện tại thì đạo kia là nay tu, nay khinh an hoặc đủ hai tu là tu đắc và tu hành. Hoặc chỉ có tu hành.

Hỏi: Có khi nào đạo nay tu, nay khinh an đạo đó chẳng phải hiện tại phải chăng?

Đáp: Có khởi đạo không hề được hiện ở trước, tương tự với vị lai. Tương tự có bốn thứ:

1. Tu tương tự.
2. Giới tương tự.
3. Cõi tương tự.
4. Tánh tương tự.

Tu tương tự: Ở đây nói: Khởi đạo không hề được hiện ở trước. Tương tự vị lai: Tu trong đây.

Hoặc có thuyết cho là: Đạo hữu lậu tu tương tự đạo hữu lậu. Đạo vô lậu tu tương tự vô lậu.

Lời bình: Nên nói rằng: Đạo hữu lậu tu tương tự đạo hữu lậu, đạo

vô lậu. Đạo vô lậu có tương tự với đạo vô lậu, đạo hữu lậu. Vì sao? Vì sức vô lậu kia, khởi đạo thế tục hiện ở trước, tu đạo vô lậu, hữu lậu. Khởi đạo vô lậu hiện ở trước, tu đạo hữu lậu, vô lậu.

Giới tương tự: Như trong Kiên-độ Nghiệp có nói: Nếu thành tựu giới quá khứ, cũng thành tựu giới tương tự hiện tại, vị lai?

Giới tương tự, nghĩa là: Như đạt được giới giải thoát, thì có đạt được giới giải thoát tương tự. Giới thiền thì có giới thiền tương tự.

Giới vô lậu thì có giới vô lậu tương tự. Giới hữu tác thì có giới hữu tác tương tự. Giới vô tác thì có giới vô tác tương tự.

Cõi tương tự: Như trong Kiên-độ Căn nói: Nếu thành tựu nhãn căn tương tự này, thì có thành tựu thân căn tương tự này? Nếu pháp đồng tồn tại ở một cõi, có thể được, thì sẽ gọi là cõi tương tự. Pháp cõi Dục tương tự với pháp cõi Dục. Pháp cõi Sắc tương tự với pháp cõi Sắc. Pháp cõi Vô sắc tương tự với pháp cõi Vô sắc.

Tánh tương tự: Như trong Tỳ-ni nói: Tôn giả Đà-bà-Ma-la-Tử, tay trái phát ra ánh sáng, vì các Tỳ-kheo tương tự phân chia phòng, xá, đồ nằm, người tụng Tu-đa-la tương tự cùng ở một chỗ, người tụng Tỳ-ni tương tự cùng ở một chỗ. Người tụng A-tỳ-đàm tương tự cùng ở một chỗ, người hành pháp A-luyện-nhã tương tự cùng ở một chỗ. Vì muốn cho các Tỳ-kheo cùng trụ đàm luận, hoặc yên lặng, nên mỗi người đều thuận theo nhau.

Kinh khác cũng nói: Chủng loại tương tự của chúng sinh tùy theo nhau. Người làm ác tùy theo với kẻ làm ác. Người làm việc thiện tùy theo với kẻ hành điều thiện. Trong đây, với bốn thứ tương tự này, dựa vào tương tự tu mà soạn luận.

Khởi quán bất tịnh hiện ở trước, vị lai sẽ có người tu sát-na Vô lượng quán bất tịnh. Các người tu vị lai đi chung với sát-na đầu tiên: Đó là nay tu gọi là tu đắc.

Đạo kia, chẳng phải hiện tại, vì ở vị lai. Niệm A-na-Ban-na (quán số tức), niệm xứ, Noãn, Đảnh, Nhãn, pháp Thế đệ nhất, kiến đạo, tu đạo, tận trí, lúc hiện ở trước, cũng nói giống như thế.

Hỏi: Lui sụt quả A-la-hán, lúc trụ quả Tu-đà-hoàn thì quả Tu-đà- hoàn chỉ là đắc hay cũng là tu?

Đáp: Chỉ là đắc, chẳng phải tu.

Nếu khi lại được quả A-la-hán thì chỉ là đắc hay cũng là tu?

Đáp: Quá khứ là đắc, chẳng phải tu. Vị lai là đắc, cũng là tu

Hỏi: Vì sao quá khứ là đắc, chẳng phải tu. Vị lai là đắc cũng là tu?

Đáp: Nếu có nhân của hiện tại thì có đắc, cũng là tu. Nếu không có nhân hiện tại, thì chỉ là đắc, chẳng phải tu.

Hỏi: Quả Tu-đà-hoàn cũng có nhân hiện tại, vì sao chỉ có đắc chẳng phải tu?

Đáp: Nếu có nhân hiện tại thì có thể thăng tiến là đắc, cũng là tu. Người trụ quả Tu-đà-hoàn, dù có nhân hiện tại, nhưng vì lui sụt đạo, nên chỉ là đắc, chẳng phải tu.

* * * * *